

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(N^o): 0239/VAQ09 - 01/23 - 00

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES

Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số:

0207/23/AH

Ngày:

21.03.2023

Pursuant to the Technical document N^o

Date

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

QCVN 09 : 2015/BGTVT

Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số:

50314/01/02/23/01

Ngày:

24.03.2023

Pursuant to the results of C.O.P examination Report N^o

Date

Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số:

0039/23/BC

Ngày:

14.03.2023

Pursuant to the results of Test Report N^o

Date

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (Vehicle type): **Ô tô tải (thùng kín)**

Nhãn hiệu (Mark): **UD TRUCKS**

Số loại (Model code) **UD TRUCKS QUESTER CDE 280 CDE62TR 08MJ/BTR-TKCD**

Mã số khung (Frame number code): **JPCZZ50C****

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

10.970

kg

Phân bố lên: - Trước (on front):

4.670

kg

- Trục sau (on rear):

6.300

kg

Số người cho phép chở kể cả người lái (Seating capacity including driver):

02

người

Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (Design payload):

12.900

kg

Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (Authorized payload):

12.900

kg

Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (Design total mass):

24.000

kg

Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (Authorized total mass):

24.000

kg

Phân bố lên: - Trước (on front):

6.700

kg

- Trục sau (on rear):

17.300

kg

Khối lượng kéo theo theo thiết kế/ cho phép tham gia giao thông (Towed mass):

---/---

kg

Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao (Overall: length x width x height):

12.200 x 2.500 x 3.750

mm

Khoảng cách trục (Wheel Spase):

6.300 + 1.370

mm

Công thức bánh xe (Drive configuration):

6 x 2

Kiểu động cơ (Engine model): **GH8E 280 EUV**

Loại (Type): **4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, tăng áp**

Thể tích làm việc (Displacement):

7.698

cm³

Công suất lớn nhất/ tốc độ quay (Max. output/ rpm):

206 kW/ 2.200 vòng/ phút

Loại nhiên liệu (Fuel):

Diesel

Cỡ lốp (Tyre size):

Lốp trước (front tyre): **11.00R20**

Lốp sau (rear tyre): **11.00R20**

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại Bình Triệu

(Name and address of manufacturer)

757/5C Vườn Lài, Khu phố 2, P. An Phú Đông, Q.12, TP.HCM

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp:

Địa điểm kinh doanh công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại Bình Triệu

(Name and address of assembly plant)

926 quốc lộ 13, Khu phố 2, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, TP.HCM

Kiểu loại xe nói trên phù hợp với QCVN 09 : 2015/BGTVT

The motor vehicle type is in compliance with the QCVN 09 : 2015/BGTVT

Ghi chú:

- Vết xe bánh trước/ sau:

2.026/ 1.835 mm

- Hệ thống lái:

Trục vít - ê cu bi

Cơ khí có trợ lực thủy lực

- Hệ thống phanh:

Phanh chính

Tang trống/Tang trống

Khí nén

Phanh đỗ

Tác động lên bánh xe trục 1 và 2

Tự hãm

- Số lượng lốp trục I/II/III/IV:

02/04/04/---/---

- Kích thước lòng thùng hàng:

9.500 x 2.350 x 2.310 mm

- Hệ thống thủy lực dẫn động cơ cấu nâng hạ thành bên thùng hàng

- Khi sử dụng toàn bộ thể tích thùng xe để chuyên chở thì chỉ được chở các loại hàng

hóa có khối lượng riêng không vượt quá 250 kg/m³

- Hàng năm, giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá

Ngày 03 tháng 04 năm 2023 (Date)

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Vietnam Register

General Director **TL. CỤC TRƯỞNG**

Q. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI



Trần Hoàng Phong